TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2020
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Tuất

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-5-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21-5-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị PTT; địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quang Ninh; vắng mặt;

- *Bị đơn*: Anh TMT; đia chỉ: Số 2B/36 C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01-02-2020 và được bổ sung bằng lời khai tại các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị PTT trình bày:

Chị PTT và anh TMT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh từ ngày 13-12-2010. Trong thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và tính cách, nên cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng,

mệt mỏi. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, chị PTT đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết được ly hôn với anh TMT.

Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 06-11-2010. Chị PTT có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh TMT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị PTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, bị đơn anh TMT trình bày như sau: Anh TMT và chị PTT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Do trong thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên đã không sống cùng nhau từ năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, chị PTT đề nghị được ly hôn với anh TMT, anh TMT đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 06-11-2010. Hiện nay, con chung đang sống cùng anh TMT, do anh TMT chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, anh TMT có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là F. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh TMT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh TMT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04-5-2020, Thẩm phán đã phân tích, giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha, mẹ và con, giữa các thành viên khác trong gia đình và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình; phân tích hậu quả pháp lý của việc nếu vợ chồng ly hôn, động viên để chị PTT đoàn tụ với anh TMT. Nhưng do mâu thuẫn giữa chị PTT và anh TMT đã trầm trọng nên chị PTT vẫn đề nghị ly hôn với anh TMT.

Về con chung: Hiện nay, con chung F đang sống cùng anh TMT, do anh TMT chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị PTT rất yêu thương con và mong muốn được nuôi dưỡng con chung. Nhưng anh TMT kiên quyết muốn nuôi con chung, thì chị PTT sẽ để anh TMT được trực tiếp nuôi dưỡng con chung F. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị PTT sẽ gặp anh TMT để thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị PTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Việc xác định về thẩm quyền, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, về việc thu thập chứng cứ, về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng, việc nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và

đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị PTT được ly hôn với anh TMT. Giao con chung là F cho anh TMT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị PTT và anh TMT không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nên đề nghị không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung giữa chị PTT và anh TMT. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, đã có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, chị PTT và anh TMT xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của gia đình bị đơn, thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị PTT và anh TMT đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, nên đã sống ly thân với nhau từ khoảng năm 2014 cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị PTT đề nghị ly hôn với anh TMT. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị PTT được ly hôn với anh TMT là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 06-11-2010. Nguyên đơn để bị đơn được nuôi dưỡng con chung. Bị đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay con chung đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng bố là anh TMT, nguyện vọng của con chung là muốn ở cùng với anh TMT, nên việc giao con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho anh TMT

trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị PTT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh TMT cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị PTT trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn sẽ gặp bị đơn để thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu các bên có yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, thì có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu các bên có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, thì có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị PTT và anh TMT được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là F, sinh ngày 06-11-2010 cho anh TMT trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị PTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008435, ngày 19-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị PTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND thị trấn B,
huyện B, tỉnh Quảng Ninh,
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Huyền